

## **CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**

**Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU, ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

-----

Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU, ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Huyện ủy Di Linh xây dựng Chương trình hành động cụ thể như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

Cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 21-NQ/TU, ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tổ chức triển khai thực hiện cho phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/HU ngày 08/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về phát triển nông nghiệp chất lượng cao gắn với phát triển thương hiệu, liên kết sản phẩm theo chuỗi giá trị trên địa bàn huyện Di Linh giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030.

#### **2. Yêu cầu**

Các cấp ủy đảng, chính quyền, ban ngành, đoàn thể trong hệ thống chính trị cần nhận thức rõ tầm quan trọng của Nghị quyết; từ đó tổ chức chỉ đạo thực hiện đưa ngành nông nghiệp huyện Di Linh phát triển toàn diện, bền vững và hiện đại. Nâng cao tính chủ động, sáng tạo, bảo đảm chất lượng, hiệu quả trong triển khai thực hiện; thường xuyên cập nhật, bổ sung những chủ trương, chính sách mới để vận dụng triển khai thực hiện phù hợp, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn huyện.

### **II. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu chung**

- Phát triển nông nghiệp toàn diện, hiện đại, hiệu quả và bền vững, tạo ra giá trị gia tăng tối ưu trên một đơn vị diện tích canh tác, nâng cao sức cạnh tranh, đa dạng chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp phù hợp với yêu cầu của thị trường gắn với phát triển thương mại, dịch vụ....., tích hợp các giá trị văn hóa, xã hội và môi trường vào sản phẩm, hàng hóa.

- Tập trung nguồn lực và đổi mới sản xuất để phát triển nông nghiệp bền vững, với mô hình ***“Doanh nghiệp là nòng cốt; kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổ hợp tác là trung tâm; nông dân là chủ thể”***.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị. Xây dựng và phát triển thương hiệu vùng sản xuất bền vững; lựa chọn một số sản phẩm được sản xuất theo hướng nông nghiệp chất lượng cao gắn với việc xây dựng thương hiệu; hướng đến là trung tâm sản xuất cà phê và cây ăn quả của tỉnh.

## **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025**

2.1. Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp giai đoạn 2021- 2025 đạt từ 5,4% trở lên. Tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm 44- 45,5% cơ cấu kinh tế của huyện; cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp: trồng trọt 78- 80%, chăn nuôi 16- 17%, dịch vụ 4- 5%. Năng suất lao động nông lâm thủy tăng bình quân 5- 5,5%/năm.

2.2. Giá trị sản xuất bình quân 170 triệu đồng/ha/năm; có trên 15% diện tích sản xuất ứng dụng công nghệ cao; xây dựng được ít nhất 02 vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, trong đó kết hợp áp dụng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp tuần hoàn; trên 32% diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế về an toàn thực phẩm, bền vững; đến năm 2025 tỷ lệ nông sản qua sơ chế, chế biến đạt trên 80%, trong đó chế biến đạt trên 22%; tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch giảm dưới 12%.

2.3. Đến năm 2025, phấn đấu mỗi xã, thị trấn Di Linh có ít nhất 01 sản phẩm OCOP được chứng nhận 03 sao trở lên. Có 30% các chủ thể OCOP xây dựng được chuỗi giá trị theo hướng kinh tế tuần hoàn, OCOP xanh gắn với vùng nguyên liệu ổn định; trong đó ưu tiên các sản phẩm OCOP đã được đánh giá và phân hạng. Nâng cao giá trị nhãn hiệu cà phê Di Linh; xây dựng thương hiệu một số nông sản chủ lực, đặc trưng: bơ, sầu riêng, mắc ca.

2.4. Hoàn thiện hệ thống giao thông nội đồng, thủy lợi và hạ tầng chế biến sản phẩm nông nghiệp, đảm bảo trên 85% đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng được cứng hóa; 70% diện tích canh tác được tưới.

2.5. Duy trì chặt chẽ các liên kết sản xuất – tiêu thụ sản phẩm hiện có; tập trung hỗ trợ có hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh liên kết sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, kết nối với hệ thống tiêu thụ toàn cầu, ***trong đó doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo, nòng cốt, dẫn dắt***. Cuối năm 2025 có 80% sản phẩm nông nghiệp chủ lực được tiêu thụ thông qua các chuỗi liên kết nông dân với hợp tác xã, doanh nghiệp, thị trường.

2.6. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển thương mại điện tử và tập trung chuyển đổi số trong nông nghiệp một cách toàn diện, đồng bộ từ quản lý đến tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

## **3. Định hướng đến năm 2030**

3.1. Tốc độ tăng trưởng ngành nông lâm thủy bình quân giai đoạn 2025- 2030 đạt 5- 5,5%/năm (*giai đoạn 2021- 2025 đạt 5,4%*); tỷ trọng ngành nông lâm

thủy sản chiếm 39- 40,5% cơ cấu kinh tế của huyện. Năng suất lao động nông lâm thủy tăng bình quân 6,0- 6,5%/năm.

3.2. Giá trị sản xuất bình quân 220 triệu đồng/ha/năm; có trên 20% diện tích sản xuất ứng dụng công nghệ cao; trên 40% diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế về an toàn thực phẩm, bền vững; tỷ lệ nông sản qua sơ chế, chế biến đạt trên 90%, trong đó chế biến 30%; tỷ lệ tồn thất sau thu hoạch giảm dưới 10%.

3.3. Chú trọng xây dựng và phát triển các chuỗi liên kết sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện; đến năm 2030 toàn huyện có trên 60 sản phẩm OCOP được chứng nhận 03 sao trở lên và khoảng 80% sản phẩm OCOP thuộc doanh nghiệp và hợp tác xã tham gia chương trình OCOP.

3.4. Thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng gấp 2,5- 3 lần so với năm 2020.

3.5. Hoàn thiện hệ thống giao thông nội đồng, thủy lợi và hạ tầng chế biến sản phẩm nông nghiệp, đảm bảo trên 90% đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng được cứng hóa; tỷ lệ cây trồng toàn huyện chủ động nước tưới đạt trên 75%.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

#### **1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành; tuyên truyền nâng cao nhận thức**

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng các cấp tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại trên địa bàn; đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng huyện nông thôn mới.

Nâng cao năng lực quản lý, điều hành, giám sát, đánh giá của chính quyền các cấp; tổ chức rà soát những tồn tại, hạn chế cần khắc phục trong quá trình xây dựng các đề án, kế hoạch phát triển nông nghiệp. Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển nông nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho bà con nhân dân tiếp cận các nguồn vốn, kỹ thuật, tiếp thị, đào tạo nguồn nhân lực để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Khuyến khích thu hút đầu tư từ các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã vào chuỗi liên kết giá trị; tạo điều kiện để các doanh nghiệp tiếp cận trực tiếp với nông dân và dẫn dắt quá trình sản xuất phù hợp với yêu cầu của thị trường.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân; đội ngũ cán bộ, công chức nhằm nâng cao nhận thức về phát triển nền nông nghiệp chất lượng cao và bền vững. Huy động sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở, coi phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại là khâu then chốt, là giải pháp xuyên suốt, bước đột phá trong sản xuất nông nghiệp, là nền tảng quan trọng trong quá trình xây dựng nông thôn mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Tiếp tục vận động, hướng dẫn nhân dân đẩy mạnh tái canh cà phê, đa dạng hóa các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao; tuyên truyền về hiệu quả vượt trội của các mô hình chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi bò sữa. Tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân nạo vét các ao hồ nhỏ, kênh mương; đồng thời tận dụng các khe, lạch, suối cạn,... phát triển hệ thống ao, hồ nhỏ

để chủ động nguồn nước tưới cho cây trồng trong mùa khô; hướng dẫn nhân dân triển khai công nghệ tưới tiết kiệm như tưới phun mưa, tưới nhỏ giọt để tiết kiệm nguồn nước.

## **2. Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp phát triển theo từng lĩnh vực sản xuất gắn với lợi thế từng vùng, từng địa phương**

### **2.1. Trồng trọt**

Phát triển sản xuất theo hướng quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, đặc biệt là công nghệ sinh học, công nghệ số; quản lý nông nghiệp sinh thái, hữu cơ. Thực hiện cơ cấu lại các sản phẩm theo hướng ưu tiên các sản phẩm chủ lực có giá trị kinh tế cao gắn với công nghiệp sơ chế, chế biến và phát triển các chuỗi giá trị; hướng đến xuất khẩu; đồng thời phát triển các sản phẩm đặc thù các địa phương gắn với du lịch canh nông, làng nghề; định hướng phát triển một số cây trồng chủ lực, như sau:

*a) Cây cà phê:* Tăng cường các giải pháp kỹ thuật canh tác bền vững, hiệu quả; phấn đấu đến năm 2025 trên 40% diện tích cà phê đạt điều kiện thâm canh cao, năng suất bình quân ổn định 35- 40 tạ/ha, kết hợp với trồng xen các loại cây trồng khác tăng nguồn thu cho bà con nông dân, tạo đà cho kế hoạch đột phá tăng tốc về kinh tế của huyện.

Tiếp tục thực hiện trồng tái canh, ghép cải tạo giống cà phê trên địa bàn huyện, bình quân hàng năm thực hiện trên 1.500 ha; trọng điểm tái canh cà phê tại các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Từng bước chuyển đổi từ sản xuất cà phê theo phương thức truyền thống sang sản xuất theo hướng chất lượng cao, công nghệ cao, VietGAP, Ogarnic, 4C, UTZ, Rainforest...; hướng đến năm 2025 toàn huyện có trên 20.000 ha cà phê sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, Ogarnic, 4C, UTZ, Rainforest... chiếm trên 44 % diện tích cà phê của huyện; 70% diện tích cà phê được sản xuất theo quy trình, chứng nhận của nhà sản xuất, rang xay.

Tăng tỷ lệ sản xuất cà phê kết hợp với sơ chế, chế biến sâu; thay đổi quy trình chăm sóc theo hướng sạch, giảm dần phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, gia tăng sử dụng nhiều phân bón hữu cơ, vi sinh; đẩy mạnh mô hình quản lý thâm cỏ, hạn chế tối thiểu sử dụng thuốc diệt cỏ, tuyệt đối không sử dụng thuốc diệt cỏ có hoạt chất Glyphosate.

*b) Cây chè:* 100% diện tích chè chuyển sang trồng các loại giống chè cao sản chất lượng cao; tăng cường áp dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến trong trồng chè; xây dựng quy trình sản xuất chè an toàn, ứng dụng kỹ thuật quản lý dịch hại tổng hợp trên chè. Đến năm 2025, có trên 35% diện tích chè của huyện sản xuất theo hướng công nghệ cao, chất lượng cao; đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất theo hướng VietGAP.

Tăng tỷ lệ liên kết giữa các hộ dân với doanh nghiệp thông qua hợp đồng tiêu thụ; các công ty sản xuất, chế biến chè đầu tư các máy móc hiện tại áp dụng vào quy trình sơ chế, chế biến hướng tới tìm được đầu ra ổn định, với đa dạng thị trường trong và ngoài nước góp phần ổn định và phát triển ngành chè.

*c) Cây ăn quả:* Xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất cây ăn quả chủ lực thích ứng với biến đổi khí hậu, linh hoạt với thị trường, nhất là các giống trái vụ.

Xây dựng các vùng trồng cây ăn quả chất lượng cao được cấp mã số vùng trồng phục vụ nhu cầu xuất khẩu. Khuyến khích người dân phát triển diện tích cây ăn quả theo hướng VietGAP, hữu cơ và áp dụng ứng dụng công nghệ cao đồng bộ vào sản xuất; đồng thời tăng tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ thông qua hợp đồng tiêu thụ, Đẩy mạnh phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để hướng dẫn thực hiện mã vùng trồng; xây dựng, phát triển các chuỗi liên kết trái cây gắn sản xuất với tiêu thụ, trong đó xây dựng điểm các chuỗi quy mô theo mô hình sản xuất- sơ chế- chế biến sâu- tiêu thụ.

*d) Cây mắc ca:* Tiếp tục thực hiện trồng xen cây mắc ca trong vườn cà phê và trên các diện tích đất lâm nghiệp đang sản xuất nông nghiệp ổn định; khuyến cáo người dân sử dụng các loại giống mắc ca ghép, ưu tiên các loại giống đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khuyến cáo. Khuyến khích người dân tham gia vào hợp tác xã và đẩy mạnh thành lập hợp tác xã; việc tham gia vào hợp tác xã không những giúp người dân tạo sự liên kết còn hỗ trợ nhau trong sản xuất, tạo ra nguồn sản phẩm lớn, sản xuất theo quy trình đồng nhất, giúp liên kết với các doanh nghiệp góp phần hình thành chuỗi liên kết; trong đó doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo, nông cốt định hướng sản xuất và giải quyết đầu ra cho sản phẩm.

*đ) Cây hồ tiêu:* Ổn định diện tích hồ tiêu; đẩy mạnh công tác quảng bá, xây dựng thương hiệu tiêu của huyện, góp phần ổn định đầu ra và nâng cao giá trị sản phẩm; tăng tỷ lệ tiêu thụ thông qua hợp đồng. Khuyến khích người trồng hồ tiêu thực hiện sản xuất theo hướng VietGAP, hữu cơ, giảm thiểu dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhằm xuất bán được đa dạng các thị trường quốc tế, góp phần ổn định giá cả, tạo cho người nông dân tâm lý ổn định, an tâm phát triển sản xuất.

*e) Dâu tằm:* Khuyến khích, hướng dẫn người dân tận dụng những diện tích đất ven sông, ven suối, đất trũng, diện tích đất tại những vườn cà phê tái canh năm 1, năm 2... để phát triển diện tích trồng dâu nuôi tằm; chuyển đổi các giống dâu thuần địa phương cho năng suất thấp sang trồng các loại giống dâu lai cao sản cho năng suất, chất lượng cao. Tạo điều kiện thu hút các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư xây dựng các điểm nuôi tằm con tập trung để chủ động cung cấp giống tằm cho bà con nông dân; khuyến khích nông dân thành lập, tham gia vào hợp tác xã để ổn định sự liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm; tăng tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ thông qua hợp đồng. Khôi phục và phát triển nghề nuôi tằm, ươm tơ, dệt lụa trên địa bàn.

*g) Tiếp tục xây dựng mô hình và nhân rộng phát triển một số cây trồng có giá trị cao, có lợi thế so sánh như: chanh dây, chuối la ba, rau, hoa, cây dược liệu...; triển khai, hỗ trợ phát triển trồng cây dược liệu dưới tán rừng tại một số khu vực phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng.*

## **2.2. Chăn nuôi**

Hoàn thiện, bổ sung kế hoạch tái đàn heo, phát triển chăn nuôi heo theo hướng an toàn sinh học; kế hoạch về chăn nuôi bò thịt chất lượng cao; kế hoạch phát triển chăn nuôi bò sữa. Thực hiện chính sách hỗ trợ di dời các cơ sở, hộ chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định; đến năm 2025, hoàn thành việc di dời các trang trại, cơ sở, hộ chăn nuôi ra ngoài khu vực không được phép chăn nuôi. Tiếp tục khuyến khích, thu hút đầu tư phát triển các doanh

ng nghiệp chăn nuôi quy mô lớn gắn với chế biến, tạo việc làm và dẫn dắt sản xuất phát triển. Chú trọng nhân giống, phát triển những giống vật nuôi đặc hữu có giá trị kinh tế cao của địa phương; đồng thời nghiên cứu, phát triển một số vật nuôi mới phù hợp điều kiện khí hậu, môi trường sinh thái của huyện và hiệu quả cao gắn với thị trường.

### **2.3. Thủy sản**

Khai thác có hiệu quả mặt nước để phát triển nuôi thủy sản trên các hồ chứa, lưu vực sông, suối với các đối tượng nuôi truyền thống như cá, tôm nước ngọt và các loài cá nước lạnh có giá trị kinh tế cao. Khuyến khích chăn nuôi lươn, ốc, ếch,... theo điều kiện tự nhiên và đặc thù của mỗi xã; nuôi thả tại các ao hồ nhỏ để tăng thu nhập.

## **3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại, thông minh trong nông nghiệp theo hướng bền vững với môi trường, từng bước nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp**

### **3.1. Thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn**

Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số một cách toàn diện, đồng bộ từ khâu quản lý đến quá trình sản xuất. Thực hiện hiệu quả các chính sách, nguồn vốn đầu tư để phát triển hạ tầng thông tin; đẩy mạnh tạo lập dữ liệu, số hóa, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đất đai nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi, thủy lợi, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh...; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước và sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp; ứng dụng vào quản lý, giám sát tài nguyên rừng; quản lý hồ đập, phòng, chống và cảnh báo thiên tai.

Phát triển các nền tảng số phục vụ nhu cầu nông dân; trong đó, cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp làm nòng cốt, nông dân tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, cung cấp dữ liệu nền tảng số kết nối nông dân và chuyên gia nông nghiệp; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ, phân tích, phát hiện sớm dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

Phát triển nông nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ số trong canh tác, quản lý chuỗi...; quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Phấn đấu đến năm 2025, có khoảng 1- 3% diện tích canh tác được ứng dụng công nghệ số.

Tăng cường kinh doanh qua mạng và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng. Phối hợp với các sàn thương mại điện tử để hỗ trợ đưa các sản phẩm nông sản vào quảng bá, giao dịch; tiêu thụ trên Sàn thương mại điện tử như: Sendo của FPT, Voso của Viettel Post, Postmart của VnPost, Tiki-BigC/GO, Shopee và Lazada, sàn postmart, sàn voso; tiêu thụ thông qua các hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích như: Big C, Vinmart&Vinmart+, MM Mega MarKet, Aeon, Lotte, Co.opFood, Intimex, Fivimart và Citimart, Vincom, bách hóa xanh; sử dụng các kênh Facebook, Zalo, livestream,...

### **3.2. Tiếp tục phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ**

Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao đối với các sản phẩm nông nghiệp có tiềm năng của huyện như cà phê, sầu riêng, bơ, rau, hoa, bò sữa,...; trong đó ưu tiên hình thành các khu, vùng nông nghiệp công nghệ cao như vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đối với cây cà phê, cây ăn quả... và áp dụng trong chăn nuôi heo, bò thịt, bò sữa...; nhân rộng các mô hình ứng dụng công nghệ cao; thúc đẩy phát triển công nghệ cao thông minh, tự động hóa tại các vùng sản xuất chuyên canh; nâng cao mức độ ứng dụng công nghệ cao đối với các đối tượng cây dài ngày và vật nuôi.

Tiếp tục thu hút đầu tư và vận động, định hướng cho nông dân chủ động liên kết, xây dựng và phát triển có hiệu quả các khu nông nghiệp công nghệ cao; đẩy mạnh phát triển du lịch canh nông gắn với phát triển làng nghề truyền thống...; định hướng quy hoạch và phát triển các vùng sản xuất, sản phẩm nông nghiệp hữu cơ đạt tiêu chuẩn, có chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn hữu cơ trong nước và thế giới.

### **3.3. Cơ giới hóa, tự động hóa**

Ứng dụng đa dạng hóa các loại hình công nghệ, máy móc thiết bị cơ giới vào sản xuất, đặc biệt là khâu thu hoạch nhằm tăng năng suất lao động, giảm tỷ lệ tổn thất trong quá trình sản xuất. Chú trọng phát triển công nghệ sau thu hoạch, tại các vùng sản xuất hàng hóa tập trung đều được liên kết với các trung tâm sau thu hoạch để thực hiện chức năng phân loại, đóng gói, vận hành quản lý sản phẩm theo công nghệ tự động, công nghệ số.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản; ưu tiên thu hút đầu tư các nhà máy chế biến cà phê, trái cây (*sầu riêng, bơ, chuối...*), mắc ca,... với quy mô, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường.

### **4. Phát triển nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn nhằm giảm thiểu tác động môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu**

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quy trình canh tác phù hợp với sự biến đổi của khí hậu; nhân rộng và phát triển các mô hình nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn để khai thác các nguồn nguyên liệu tại chỗ, nguồn phụ phẩm, phế phẩm tái chế để phục vụ lại cho sản xuất, tránh lãng phí tài nguyên, giảm chi phí đầu tư, hướng tới đáp ứng đa mục tiêu, nâng cao giá trị gia tăng cho người sản xuất; bảo vệ môi trường và sức khỏe người tiêu dùng; ứng dụng và nhân rộng các quy trình canh tác tổng hợp theo hướng an toàn sinh học, hạn chế dịch bệnh.

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hình thức khép kín, ứng dụng công nghệ cao theo hướng an toàn sinh học, áp dụng triệt để các giải pháp xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; thực hiện di dời, chấm dứt hoạt động hoặc chuyển đổi ngành nghề đối với các cơ sở trong khu vực không được phép chăn nuôi.

Sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên đất, nước,... phục vụ phát triển nông nghiệp; xây dựng và nhân rộng các mô hình canh tác theo hướng cảnh quan bền vững, giảm thiểu ảnh hưởng của sản xuất nông nghiệp đến môi trường; sử dụng những loại giống cây trồng có hiệu quả kinh tế cao, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu vào sản xuất.

Tiếp tục triển khai hiệu quả các biện pháp, giải pháp phòng chống phá rừng, vi phạm luật lâm nghiệp, suy thoái chất lượng rừng; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của rừng; đẩy mạnh phát triển rừng bền vững, đầu tư trồng các loại cây lâm nghiệp, cây đa mục đích, cây dược liệu phù hợp với điều kiện từng vùng; phát triển hợp lý các loại hình du lịch, dịch vụ, nghỉ dưỡng dưới tán rừng; nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, hiệu quả kinh tế của rừng góp phần bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai, chủ động trong công tác ứng phó, phòng ngừa kịp thời với các loại hình thiên tai để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra; khắc phục kịp thời hậu quả sau thiên tai; tận dụng các nguồn lực để đầu tư hoàn thiện hạ tầng phòng, chống thiên tai,...

### **5. Phát triển liên kết chuỗi giá trị bền vững hiệu quả**

Tập trung hoàn thiện chuỗi giá trị cho các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, nhu cầu thị trường cao của huyện, trong đó xác định hợp tác xã và doanh nghiệp là tác nhân chính để gắn kết, phát triển chuỗi giá trị theo tiêu chí *“Doanh nghiệp là nòng cốt, kinh tế tập thể, hợp tác xã là trung tâm, nông dân là chủ thể sản xuất hàng hóa”*. Cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; phát triển kinh tế tập thể để hình thành lực lượng nòng cốt trong phát triển liên kết chuỗi. Khuyến khích khởi nghiệp từ các hộ nông dân, chủ trang trại nhất là nông dân thế hệ mới để thành lập doanh nghiệp, mở rộng quy mô sản xuất, liên kết với các hộ dân khác trong sản xuất và tiêu thụ nông sản.

Phát triển các vệ tinh cung cấp nguyên liệu, hình thành vùng sản xuất nguyên liệu đủ lớn, đảm bảo chất lượng. Thực hiện quy trình kiểm soát chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo tiêu chuẩn. Triển khai hiệu quả hoạt động xúc tiến thị trường nông sản gắn với phát triển sản phẩm OCOP huyện Di Linh.

Phát triển các chuỗi giá trị ngành hàng các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, nhu cầu thị trường cao của huyện và gắn kết các vùng sản xuất, các tác nhân trong chuỗi theo nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm, cùng chia sẻ lợi ích theo mức độ đóng góp giá trị, trong đó xác định các doanh nghiệp, hợp tác xã là tác nhân chính để gắn kết, phát triển chuỗi giá trị.

- Đổi mới phương thức sản xuất để sản phẩm nông sản đáp ứng nhu cầu của thị trường, chuyển từ mô hình sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, tự phát theo phương thức truyền thống sang tư duy sản xuất theo mô hình hợp tác liên kết; trong đó lấy doanh nghiệp làm nòng cốt, lấy nông dân làm chủ thể, lấy khoa học công nghệ làm then chốt, lấy liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp và hợp tác xã làm nền tảng tiêu thụ để phát triển nông nghiệp bền vững.

### **6. Về xây dựng thương hiệu sản phẩm và chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)**

Chú trọng việc xây dựng, giữ gìn và phát triển các thương hiệu sản phẩm nông nghiệp, như: phát triển nhãn hiệu *“Cà phê Di Linh”*, xây dựng thương hiệu bơ, sầu riêng, mắc ca, các sản phẩm đặc hữu khác có giá trị kinh tế cao của địa



phương và những sản phẩm mới được nuôi trồng nhưng thể hiện hiệu quả rõ rệt tại địa phương. Truy xuất nguồn gốc sản phẩm, xây dựng chỉ dẫn địa lý, mã số vùng trồng làm cơ sở quảng bá, chứng nhận sản phẩm.

Triển khai hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) có thương hiệu, chỉ dẫn địa lý rõ ràng đáp ứng được yêu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; đến năm 2030 có trên 60 sản phẩm được xếp hạng OCOP từ 3 sao trở lên.

Tăng cường công tác quảng bá sản phẩm nông nghiệp; xây dựng kế hoạch, tổ chức hỗ trợ các tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp, tạo điều kiện cho các tổ chức này có đủ khả năng làm cầu nối, đối tác trong tham gia vào chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp. Triển khai có hiệu quả việc xúc tiến đầu tư để thu hút các doanh nghiệp có tâm huyết và năng lực đầu tư, các cơ sở sản xuất, chế biến trên địa bàn huyện, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương, nhất là đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản, cơ khí, phân bón và công nghệ sau thu hoạch phục vụ sản xuất nông nghiệp; nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh các sản phẩm thế mạnh của huyện.

### **7. Từng bước đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiệu quả và hiện đại**

Xây dựng chương trình, kế hoạch về đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, hệ thống thủy lợi đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất.

Củng cố, nâng cấp, phát triển hạ tầng sản xuất theo hướng hiện đại, đồng bộ, kết nối để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội; trong đó ưu tiên hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn, hệ thống lưới điện phục vụ sản xuất, các công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt.

Rà soát, đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung, ban hành mới các cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính, nhằm tạo điều kiện để xây dựng, phát triển hạ tầng sản xuất, thực hiện đầu tư trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải. Khuyến khích tối đa đầu tư tư nhân, đầu tư theo hình thức hợp tác công tư gắn với nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

Sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước và đẩy nhanh tiến độ đầu tư, đưa vào khai thác các công trình thủy lợi trọng điểm của huyện; tiếp tục phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến tiết kiệm.

Nâng cao năng lực quản lý khai thác cho các tổ chức thủy lợi cơ sở; chủ động ứng phó có hiệu quả với các tình huống bất lợi; nâng cao công tác phòng, chống hạn hán, thiếu nước, ngập lụt, úng, sạt lở đất,...; bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du đập, hồ chứa nước thủy lợi.

### **8. Quản lý, nâng cao chất lượng vật tư đầu vào phục vụ sản xuất, phát triển nguồn nhân lực**

Triển khai các cơ chế chính sách phù hợp để thu hút đầu tư vào lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp theo quy mô tiên tiến, đảm bảo theo quy trình hiện đại; khuyến khích, thu hút đầu tư phát triển vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản.

Đổi mới phương thức quản lý, cung ứng vật tư nông nghiệp qua các chuỗi liên kết giữa tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản, giảm chi phí trung gian (*các chủ trì liên kết cung cấp các loại vật tư đầu vào có chất lượng cho các thành viên liên kết*), hướng tới nền sản xuất nông nghiệp phát triển hiện đại, bền vững và toàn diện.

Tăng cường công tác kiểm tra vật tư nông nghiệp đầu vào như phân bón thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng,... nhằm phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; đồng thời cung cấp nguồn vật tư đầu vào đảm bảo về số lượng và chất lượng.

Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển hệ thống tư vấn, dịch vụ kỹ thuật phục vụ khách hàng tại các vùng sản xuất phù hợp. Tập trung các nguồn lực vào dịch vụ bảo vệ sản xuất (*thú y, trồng trọt, bảo vệ thực vật...*).

Củng cố hệ thống đào tạo nghề, đổi mới toàn diện hình thức và nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, tạo ra đội ngũ nhân lực có trình độ, kỹ năng, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Đổi mới công tác khuyến nông theo hướng kết hợp giữa nhà nước và doanh nghiệp; tạo điều kiện cho nông dân tiếp cận hệ thống, nền tảng thông tin chính thống, đáng tin cậy về thị trường, về công nghệ, có quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật, có kiến thức pháp luật khi tham gia các liên kết, hợp tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm cán bộ, công chức theo hướng phục vụ người dân và doanh nghiệp với phong cách làm việc thân thiện, trách nhiệm và hỗ trợ dịch vụ công, tạo đột phá trong thu hút đầu tư. Trang bị kiến thức về công nghệ, hội nhập quốc tế, thể chế hoá các quy định phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp cho cán bộ quản lý nhà nước các cấp.

## **9. Đẩy mạnh hội nhập và hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực**

Tiếp tục thực hiện các giải pháp hỗ trợ, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư, kinh doanh, khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Đẩy mạnh thu hút FDI, đặc biệt trong lĩnh vực chế biến, giống, công nghệ cao.

Tranh thủ nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài về các lĩnh vực hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện sinh kế cho người dân nông thôn, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu, giảm nghèo, an sinh xã hội.

Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế như: JDE, IDH, các công ty: LDC, INTIMEX, Sukafina, Nestlé ... để được hỗ trợ các hoạt động nâng cao năng lực, chuyển giao khoa học công nghệ, mở rộng thị trường xuất khẩu và thu hút các dự án đầu tư cho sản xuất cà phê và các loại cây trồng, gắn với bảo tồn an sinh xã hội.

Khai thác tốt cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do để mở rộng thị trường xuất khẩu, tham gia sâu, rộng vào chuỗi giá trị toàn cầu; hợp tác với các đối tác, tổ chức và địa phương nước ngoài; triển khai thực hiện có hiệu quả các kế hoạch về

hội nhập quốc tế của tỉnh, đặc biệt là các thị trường mà Việt Nam đã và đang ký kết (*CPTPP, EVFTA, RCEP, ...*) để phát triển sản xuất, xuất khẩu các mặt hàng giá trị cao, lợi thế của huyện.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy trên cơ sở Chương trình hành động này và điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành cụ thể hóa, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban Nhân dân huyện xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện; chủ động tính toán, bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển nông nghiệp phù hợp với nhu cầu và yêu cầu; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, định kỳ sơ kết, tổng kết để kịp thời đánh giá, rút kinh nghiệm.

3. Ban Tuyên giáo Huyện ủy chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị- xã hội huyện và các cơ quan liên quan tuyên truyền, vận động nâng cao ý thức và hành động cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong việc triển khai thực hiện.

4. Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện ủy thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU của Tỉnh ủy và Chương trình hành động này đối với các tổ chức cơ sở đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Huyện ủy.

5. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Huyện ủy viên phụ trách địa bàn; thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình hành động này.

#### **Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực Huyện ủy,
- Thường trực HĐND, UBND huyện,
- Các đ/c UVBTV Huyện ủy, HUV (khóa XV),
- MTTQ, các đoàn thể CT-XH huyện,
- Các Ban XĐĐ Huyện ủy,
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện,
- Các TCCS đảng trực thuộc,
- Lưu VPHU.

**T/M HUYỆN ỦY**  
**BÍ THƯ**

**Đinh Văn Tuấn**